

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số :1004 /ĐHTDM-BHTNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2026

V/v thực hiện miễn giảm học phí,
chế độ chính sách năm học 2026-2027

Kính gửi: Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm; Nghị định số 60/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 179/2026/NĐ-CP ngày 20/05/2026 của Chính phủ quy định chính sách học bổng cho người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐT ngày 01/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy định về một số chính sách đối với người học của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Trường Đại học Thủ Dầu Một hướng dẫn thực hiện miễn giảm học phí, chế độ chính sách năm học 2026-2027 như sau:

I. MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

1. Miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ

a) Sinh viên chính quy thuộc các đối tượng sau được miễn học phí:

- Người có công hoặc thân nhân của người có công với cách mạng (cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi).
- Sinh viên là người khuyết tật.
- Sinh viên mồ côi cả cha và mẹ, và các trường hợp liên quan khác thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (được miễn học phí cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi).
- Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ.
- Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông, bà (trường hợp ở với ông, bà) thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
- Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định của Chính phủ ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

b) Sinh viên chính quy thuộc các đối tượng sau được giảm học phí:

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) mà bản thân và cha hoặc mẹ có nơi thường trú tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền: Giảm 70% học phí.
- Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên: Giảm 50% học phí.

c) Không áp dụng miễn, giảm học phí đối với các trường hợp:

- Sinh viên đang hưởng lương khi đi học.
- Sinh viên đã hưởng chế độ miễn, giảm học phí này tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học cùng cấp học và trình độ đào tạo.
- Sinh viên sư phạm đã được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP.

2. Giảm học phí theo chính sách của Trường Đại học Thủ Dầu Một

- Sinh viên hệ chính quy/thường xuyên, học viên sau đại học đã tốt nghiệp 01 chương trình đào tạo (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ) của Trường mà trở lại Trường học 01 chương trình đào tạo khác (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ) trong thời hạn 03 năm kể từ ngày tốt nghiệp: Giảm 20% học phí toàn khóa.

- Sinh viên chính quy có anh/chị/em ruột là sinh viên chính quy cùng đang theo học tại Trường trong thời gian đào tạo chính thức: Giảm 20% học phí toàn khóa của người học khóa sau.

- Sinh viên chính quy có cha/mẹ ruột là viên chức, người lao động đang làm việc toàn thời gian tại Trường: Giảm 20% học phí toàn khóa.

- Sinh viên chính quy đạt thủ khoa tuyển sinh của khối ngành/ngành: Giảm 20% học phí năm học thứ nhất.

II. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHÓM NGÀNH CỤ THỂ

1. Sinh viên sư phạm ký cam kết thụ hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 và Nghị định số 60/2025/NĐ-CP của Chính phủ được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt. Thủ tục thực hiện theo thông báo riêng của Nhà trường.

2. Sinh viên, học viên sau đại học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược theo Nghị định số 179/2026/NĐ-CP của Chính phủ được cấp học bổng khi đạt tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. Thủ tục thực hiện theo thông báo riêng của Nhà trường.

III. CÁC CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ, TRỢ CẤP KHÁC¹

1. Hỗ trợ đối với sinh viên người dân tộc thiểu số

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Được hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở/tháng và không quá 10 tháng/năm học.

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người: Được hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở/tháng và tối đa 12 tháng/năm học.

2. Học bổng và hỗ trợ kinh phí đối với sinh viên khuyết tật

Sinh viên khuyết tật thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ được hưởng đồng thời 02 chính sách: Được cấp học bổng bằng 80% mức lương cơ sở/tháng (cấp 10 tháng/năm học) và được hỗ trợ kinh phí mua sắm phương tiện và đồ dùng học tập 1.000.000 đồng/năm học.

3. Trợ cấp xã hội

- Sinh viên người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú 3 năm trở lên tại vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Được trợ cấp 140.000 đồng/tháng và cấp 12 tháng trong năm.

- Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa: Được trợ cấp 100.000 đồng/tháng và cấp 12 tháng trong năm.

¹ Áp dụng đối với sinh viên chính quy.

- Sinh viên khuyết tật suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên gặp khó khăn về kinh tế: Được trợ cấp 100.000 đồng/tháng và cấp 12 tháng trong năm.

- Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập: Được trợ cấp 100.000 đồng/tháng và cấp 12 tháng trong năm.

IV. MỘT SỐ LƯU Ý

- Chính sách miễn, giảm học phí chỉ áp dụng đối với các học phần trong chương trình đào tạo. Không miễn, giảm đối với các học phần học lại, học cải thiện, các khóa học làm điều kiện xét tốt nghiệp (tin học, ngoại ngữ, kỹ năng xã hội). Đối với chính sách giảm học phí của Trường thì chỉ áp dụng trong thời gian đào tạo chính thức.

- Sinh viên thuộc nhiều đối tượng trong cùng một loại chế độ (loại miễn giảm, loại hỗ trợ, loại trợ cấp) thì chỉ được xét theo một đối tượng có mức hưởng cao nhất.

- Sinh viên chỉ được hưởng các chế độ hỗ trợ, trợ cấp trong thời gian đào tạo chính thức và đang học bình thường (có đăng ký môn học trong học kỳ).

- Sinh viên tạm dừng việc học (bảo lưu) hoặc bị kỷ luật đình chỉ thì không được hưởng tất cả các chế độ chính sách trong học kỳ bảo lưu/đình chỉ. Sau thời gian bảo lưu/đình chỉ, sinh viên đi học lại phải nộp hồ sơ mới tại học kỳ đó để được tiếp tục xét.

- Sinh viên chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ đã nộp.

V. CÁCH THỨC THỰC HIỆN HỒ SƠ

1. Yêu cầu về hồ sơ

- Thực hiện theo Phụ lục I, II, III, IV.

- Các đơn đề nghị miễn giảm học phí, cấp chế độ chính sách tải tại link: <https://tdmu.dev/bieu-mau-cdcs>

- Sinh viên thuộc diện được hưởng đồng thời chính sách miễn giảm và các chế độ hỗ trợ, trợ cấp thì nộp từng bộ hồ sơ riêng biệt.

- Sinh viên khóa tuyển sinh năm 2026 đã nộp các giấy tờ ưu tiên khi xét tuyển vẫn phải nộp lại đầy đủ hồ sơ khi xét miễn giảm học phí, chế độ, chính sách.

2. Đối tượng nộp hồ sơ

- **Nhóm 1:** Nộp đầy đủ hồ sơ theo Phụ lục I, II, III, IV. Gồm các đối tượng:

+ Tân sinh viên, học viên khóa tuyển sinh năm 2026;

+ Sinh viên, học viên các khóa trước đúng đối tượng nhưng chưa từng nộp hồ sơ;

+ Sinh viên, học viên các khóa trước đã từng nộp hồ sơ và được xét thụ hưởng nhưng bị gián đoạn tại Học kỳ 2 năm học 2025-2026 (do tạm dừng học, không đủ điều kiện xét...) hoặc thay đổi sang đối tượng khác tại Học kỳ 1 năm học 2026-2027.

- **Nhóm 2:** Sinh viên, học viên đã được miễn giảm học phí, chế độ, chính sách ở Học kỳ 2 năm học 2025-2026: Không cần nộp lại hoặc phải nộp bổ sung một số văn bản theo Phụ lục I, II, III, IV tùy theo đối tượng.

3. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ

- Đợt xét Học kỳ 1: Đến hết ngày 20/10/2026; nộp tại Ban Hỗ trợ người học (dãy F1, cổng 3).

- Đợt xét Học kỳ 2 (hoặc các lớp hệ thường xuyên, cao học chưa nhập học, khai giảng): Có thông báo sau.

4. Theo dõi kết quả và nhận chế độ

- Sinh viên, học viên theo dõi thông báo kết quả tại website Ban Hỗ trợ người học (<https://cshtnh.tdmu.edu.vn/>, mục Chế độ chính sách) hoặc qua email của sinh viên, học viên.

- Sinh viên, học viên nộp hồ sơ lần đầu **vẫn phải đóng học phí đầy đủ** theo thông báo của Nhà trường. Người học sẽ được hoàn trả học phí đã đóng (hoặc trừ vào học phí kỳ tiếp theo) nếu thuộc đối tượng miễn, giảm sau khi Nhà nước đã cấp bù kinh phí.

- Sinh viên, học viên nộp hồ sơ sau thời hạn quy định thì sẽ được xét vào học kỳ kế tiếp và không truy lĩnh các học kỳ trước.

- Tiền miễn giảm học phí (được hoàn trả), tiền cấp các chế độ, chính sách được chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng chính chủ của người học. Đồng thời, học phí miễn giảm sẽ được thể hiện trên tài khoản sinh viên tại <https://dkmh.tdmu.edu.vn>.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các Trường/Khoa/Viện căn cứ nội dung văn bản này để triển khai đến người học của đơn vị.

- Ban Hỗ trợ người học chủ trì thực hiện, tham mưu Hội đồng xét học bổng, chế độ chính sách quyết định miễn giảm học phí, chế độ chính sách năm học 2026-2027.

- Ban Tài chính thực hiện các thủ tục tài chính theo quy định.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lãnh đạo Trường;
- Lưu: VT, BHTNH, Thư (2).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Ngô Hồng Diệp

Phụ lục I
MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ THEO CHÍNH SÁCH NHÀ NƯỚC (NGHỊ ĐỊNH 238/2025/NĐ-CP)
(Kèm theo công văn số 1004/ĐHTDM-BHTNH ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Trường Đại học Thủ Dầu Một)

TT	Đối tượng	Hồ sơ cần nộp		Ghi chú
		Nhóm 1 (nộp lần đầu hoặc tương đương)	Nhóm 2 (đã được xét HK trước)	
1	Người có công ² với cách mạng hoặc thân nhân của người có công với cách mạng	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Giấy khai sinh (bản sao hoặc photo công chứng); - Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối với người có công (bản chính hoặc photo công chứng).	Không cần nộp lại	
2	Sinh viên là người khuyết tật	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Giấy xác nhận khuyết tật hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội do UBND xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp (photo công chứng).	Không cần nộp lại	
3	Sinh viên mồ côi ³ thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Quyết định về việc trợ cấp xã hội (photo công chứng).	Không cần nộp lại	
4	Sinh viên hệ cử tuyển	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Quyết định đi học theo chế độ cử tuyển của cấp có thẩm quyền (photo công chứng).	Không cần nộp lại	
5	Sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Giấy khai sinh (bản sao hoặc photo công chứng); - Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp (photo công chứng).	Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp (photo công chứng).	Giấy xác nhận phải có đầy đủ thông tin các thành viên trong hộ gia đình và đã được phân loại hộ

² Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 về Ưu đãi người có công với cách mạng.

³ Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 về Chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng BTXH.

TT	Đối tượng	Hồ sơ cần nộp		Ghi chú
		Nhóm 1 (nộp lần đầu hoặc tương đương)	Nhóm 2 (đã được xét HK trước)	
				nghèo/cận nghèo năm 2026
6	Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ⁴ ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Giấy khai sinh (bản sao hoặc photo công chứng); - Giấy xác nhận thông tin về cư trú của sinh viên thời điểm hiện tại (bản chính); - Giấy xác nhận sinh viên có hộ khẩu tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn do UBND xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp năm 2026 (bản chính).	Giấy xác nhận thông tin về cư trú của sinh viên thời điểm hiện tại (bản chính).	Giấy xác nhận thông tin về cư trú phải có thông tin chủ hộ và các thành viên khác trong hộ gia đình.
7	Sinh viên là người dân tộc thiểu số mà bản thân và cha hoặc mẹ thường trú tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo ⁵	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Giấy khai sinh (bản sao hoặc photo công chứng); - Giấy xác nhận thông tin về cư trú của sinh viên thời điểm hiện tại (bản chính); - Giấy xác nhận sinh viên và cha mẹ thường trú tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo do UBND xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp năm 2026 (bản chính).	Giấy xác nhận thông tin về cư trú của sinh viên thời điểm hiện tại (bản chính).	Giấy xác nhận thông tin về cư trú phải có thông tin chủ hộ và các thành viên khác trong hộ gia đình.

⁴ Dân tộc thiểu số rất ít người gồm: Cống, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ.

⁵ Danh mục thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được quy định tại các văn bản: Quyết định 60/QĐ-BDTTG ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Quyết định 255/QĐ-BDTTG ngày 08/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo sửa đổi Quyết định 60/QĐ-BDTTG, Quyết định 104/QĐ-BDTTG do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Quyết định 104/QĐ-BDTTG ngày 27/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Quyết định 353/QĐ-TTg ngày 15/03/2022 của Thủ tướng Chính và các văn bản sửa đổi, điều chỉnh liên quan.

TT	Đối tượng	Hồ sơ cần nộp		Ghi chú
		Nhóm 1 (nộp lần đầu hoặc tương đương)	Nhóm 2 (đã được xét HK trước)	
8	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; - Giấy khai sinh (bản sao hoặc photo công chứng); - Quyết định hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do cơ quan BHXH cấp (photo công chứng).	Không cần nộp lại	

Phụ lục II
GIẢM HỌC PHÍ THEO CHÍNH SÁCH CỦA TRƯỜNG (NGHỊ QUYẾT SỐ 37/NQ-HĐT)
(Kèm theo công văn số 1004/ĐHTDM-BHTNH ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Trường Đại học Thủ Dầu Một)

TT	Đối tượng	Hồ sơ cần nộp		Ghi chú
		Nhóm 1 (nộp lần đầu hoặc tương đương)	Nhóm 2 (đã được xét HK trước)	
1	Sinh viên hệ chính quy/ thường xuyên, học viên sau đại học đã tốt nghiệp 01 chương trình đào tạo (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ) của Trường mà trở lại Trường học 01 chương trình đào tạo khác trong vòng 03 năm	- Đơn đề nghị giảm học phí; - Bằng tốt nghiệp (photo công chứng, hoặc photo không cần công chứng kèm theo bản gốc để đối chiếu).	Không cần nộp lại	- Áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2024-2025 về sau và người học còn trong thời gian đào tạo chính thức tại thời điểm nộp hồ sơ. - Thời gian 03 năm tính từ ngày quyết định tốt nghiệp có hiệu lực đến ngày quyết định trúng tuyển có hiệu lực.
2	Sinh viên chính quy có anh/chị/em ruột là sinh viên chính quy cùng đang theo học tại Trường	- Đơn đề nghị giảm học phí; - Giấy khai sinh của bản thân và của anh/chị, em ruột (bản sao hoặc photo công chứng).	Không cần nộp lại	- Bản thân sinh viên và anh/chị/em ruột phải còn trong thời gian đào tạo chính thức tại thời điểm nộp hồ sơ (trừ trường hợp bảo lưu vì lý do đặc biệt theo quy chế đào tạo). - Đối tượng thụ hưởng là người nhập học khóa sau. Trường hợp nhập học cùng khóa, ưu tiên xét giảm cho sinh viên có tổng học phí toàn khóa cao hơn. - Trường hợp anh/chị/em của sinh viên nghỉ học, bị buộc thôi học thì ngừng thực hiện chế độ. Trường hợp anh/chị/em của sinh viên bị kỷ luật đình

TT	Đối tượng	Hồ sơ cần nộp		Ghi chú
		Nhóm 1 (nộp lần đầu hoặc tương đương)	Nhóm 2 (đã được xét HK trước)	
				chỉ, vi phạm quy định đóng học phí, tạm dừng học thì không thực hiện chế độ tại học kỳ đó.
3	Sinh viên chính quy có cha/mẹ ruột là viên chức, người lao động đang làm việc toàn thời gian tại Trường	- Đơn đề nghị giảm học phí; - Giấy khai sinh (bản sao hoặc photo công chứng).	Không cần nộp lại	- Sinh viên còn trong thời gian đào tạo chính thức tại thời điểm nộp hồ sơ (trừ trường hợp bảo lưu vì lý do đặc biệt theo quy chế đào tạo). - Dừng thực hiện chế độ nếu cha/mẹ ruột của sinh viên không còn công tác tại Trường.
4	Sinh viên chính quy đạt thủ khoa tuyển sinh của khối ngành/ngành	Sinh viên không cần nộp hồ sơ, Nhà trường tự xét giảm học phí và thông báo qua email sinh viên		Áp dụng cho học kỳ 1, 2, 3 của năm nhất.

Các trường hợp cụ thể khác chưa được quy định sẽ do Hội đồng xét học bổng, chế độ, chính sách người học Trường Đại học Thủ Dầu Một xem xét, quyết định.

Phụ lục III
HỖ TRỢ ĐỐI VỚI SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ SINH VIÊN KHUYẾT TẬT
(Kèm theo công văn số 1004/ĐHTDM-BHTNH ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Trường Đại học Thủ Dầu Một)

TT	Đối tượng	Hồ sơ cần nộp		Ghi chú
		Nhóm 1 <i>(nộp lần đầu và tương đương)</i>	Nhóm 2 <i>(đã được xét HK trước)</i>	
1	Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo	- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập; - Giấy khai sinh (bản sao hoặc photo công chứng); - Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp (photo công chứng).	- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập; - Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp (photo công chứng).	Giấy xác nhận phải có đầy đủ thông tin các thành viên trong hộ gia đình và đã được phân loại hộ nghèo/cận nghèo năm 2026
2	Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người ⁶	- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập; - Giấy khai sinh (bản sao hoặc photo công chứng).	Không cần nộp lại	
3	Sinh viên khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo	- Đơn đề nghị cấp học bổng và kinh phí hỗ trợ; - Giấy xác nhận khuyết tật hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp (photo công chứng); - Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp (photo công chứng).	- Đơn đề nghị cấp học bổng và kinh phí hỗ trợ; - Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp (photo công chứng).	Giấy xác nhận phải có đầy đủ thông tin các thành viên trong hộ gia đình và đã được phân loại hộ nghèo/cận nghèo năm 2026

⁶ Dân tộc thiểu số rất ít người gồm: Công, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thên, La Hù.

Phụ lục IV
TRỢ CẤP XÃ HỘI

(Kèm theo công văn số 1004/DHTDM-BHTNH ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Trường Đại học Thủ Dầu Một)

TT	Đối tượng	Hồ sơ cần nộp		Ghi chú
		Nhóm 1 (nộp lần đầu và tương đương)	Nhóm 2 (đã được xét HK trước)	
1	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú 3 năm trở lên tại vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- Đơn đề nghị xét trợ cấp xã hội; - Giấy khai sinh (bản sao hoặc photo công chứng); - Giấy xác nhận thông tin về cư trú của sinh viên thời điểm hiện tại (bản chính); - Giấy xác nhận sinh viên có hộ khẩu thường trú 3 năm trở lên (tính đến thời điểm sinh viên học đại học) tại vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do UBND xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp năm 2026 (bản chính).	- Đơn đề nghị xét trợ cấp xã hội; - Giấy xác nhận thông tin về cư trú của sinh viên thời điểm hiện tại (bản chính).	
2	Sinh viên mồ côi cha mẹ, không nơi nương tựa	- Đơn đề nghị xét trợ cấp xã hội; - Giấy khai sinh (bản sao hoặc photo công chứng); - Giấy chứng tử của cha và mẹ (photo công chứng); - Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc sinh viên mồ côi cha mẹ không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên (bản chính).	Không cần nộp lại	
3	Sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước và gặp khó khăn về kinh tế	- Đơn đề nghị xét trợ cấp xã hội; - Biên bản giám định y khoa về tỉ lệ suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên (bản chính hoặc photo công chứng);	Không cần nộp lại	

TT	Đối tượng	Hồ sơ cần nộp		Ghi chú
		Nhóm 1 (nộp lần đầu và tương đương)	Nhóm 2 (đã được xét HK trước)	
		- Xác nhận của UBND xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh về hoàn cảnh kinh tế khó khăn (bản chính).		
4	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập	- Đơn đề nghị xét trợ cấp xã hội; - Giấy xác nhận hộ nghèo do UBND xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp (photo công chứng).	- Đơn đề nghị xét trợ cấp xã hội; - Giấy xác nhận hộ nghèo do UBND xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp (photo công chứng).	Giấy xác nhận phải có đầy đủ thông tin các thành viên trong hộ gia đình và đã được phân loại hộ nghèo năm 2026